

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CUM'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2024

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thiên Lý.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hà Thị Hương; 2. Bà Trần Thị Loan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thảo – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện CuM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CuM'gar tham gia phiên tòa:* Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CuM'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2024/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc: “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Mai N, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Ông Lê Đ, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Mai N trình bày:*

Bà N và ông Lê Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan niệm sống bất đồng, không có tiếng nói chung, ông Đ không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say xỉn về chửi mắng và có hành vi bạo lực đối với bà N. Bà N đã nhiều lần báo chính quyền địa phương và cố gắng hàn gắn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Bà N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà N và ông Đ có 01 con chung là cháu Lê Thị Bích N – sinh ngày 02/02/2003, cháu đã trưởng thành, đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Đ trình bày:*

Ông Đ và bà Trần Thị Mai N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng, nguyên nhân do ông Đ hay đi nhậu say xỉn nên vợ chồng có xảy ra cãi vã. Tuy nhiên, ông Đ vẫn muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với bà N, ông Đ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Lê Thị Bích N – sinh ngày 02/02/2003, cháu đã trưởng thành, đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương:* Vợ chồng bà Trần Thị Mai N, ông Lê Đ về quan hệ hôn nhân thời gian gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã được chính quyền địa phương hòa giải hai lần nhưng vẫn không đoàn tụ được.

**Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mai N, bà Trần Thị Mai N được ly hôn với ông Lê Đ. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại thôn Hiệp Hưng, xã Quảng Hiệp, huyện CưM'gar, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mai N và ông Lê Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, bà N và ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, ông Đ không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu nên vợ chồng hay cãi vã, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được mặc dù đã được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải nhưng bà N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Đ. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà N và ông Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông Đ có 01 con chung cháu Lê Thị Bích N – sinh ngày 02/02/2003, cháu đã trưởng thành khỏe mạnh nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Mai N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng. Ông Lê Đ không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*Áp dụng Điều 51; Điều 56; Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mai N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mai N được ly hôn với ông Lê Đ.
2. Về án phí: Bà Trần Thị Mai N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0007846 ngày 08/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CuM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện CuM'gar

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

- THADS huyện CưM'gar
- UBND xã Đức Thạnh,  
Huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

**Nguyễn Thị Thiên Lý**